TIẾN MẠNH MUSIC

		SX920	SX720+
Thân	**Màu sắc**	Màu đen	Màu đen
Kích thước	**Rộng**	1.017 mm (40 -1/16")	1.017 mm (40 -1/16")
	Cao	139 mm (5-1/2")	139 mm (5-1/2")
	Dày	431 mm (17")	431 mm (17")
Trọng lượng	**Trọng lượng**	11,6 kg (25 lb. 9 oz)	11,6 kg (25 lb. 9 oz)
Hộp đựng	**Rộng**	1.174 mm (46-3/16")	1.174 mm (46-3/16")
	Cao	246 mm (9-1/16")	246 mm (9-1/16")
	Dày	511 mm (20-1/8")	511 mm (20-1/8")
Bàn phím	**Số phím**	61	61
	Phân loại	Phím đàn organ (FSB), chức năng Initial Touch	Phím đàn organ (FSB), chức năng Initial Touch
	Phím đàn cảm ứng theo lực đánh	Normal, Soft1, Soft2, Hard1, Hard2	Normal, Soft1, Soft2, Hard1, Hard2
Các Bộ Điều Khiển Khác	**Cần điều khiển**	Có (gán)	Có (gán)
	Núm điều khiển	2 (Có thể gán)	2 (Có thể gán)
	Các nút có thể gán	8 (A–F, 1–2)	8 (A–F, 1–2)
	Nút điều khiển độ cao	-	-
	Biến điệu	-	-
Hiển thị	**Loại**	VGA LCD dải màu rộng TFT	VGA LCD dải màu rộng TFT
	Kích cỡ	800 x 480 điểm (7 inch)	800 x 480 điểm (7 inch)
	Màn hình cảm ứng	Có	Có
	Màu sắc	Có	Có
	Ngôn ngữ	Tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng Trung	Tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng Trung
Bảng điều khiển	**Ngôn ngữ**	Tiếng Anh, Tiếng Trung	Tiếng Anh, Tiếng Trung
Tạo Âm	**Công nghệ tạo âm**	Chức năng lấy mẫu âm thanh AWM Stereo Sampling, Công nghệ AEM	Lấy mẫu AWM Stereo
Cài đặt sẵn	**Số giọng**	1.587 Tiếng nhạc + 63 Bộ Tiếng/SFX + 480 Tiếng nhạc XG	1.377 Tiếng nhạc + 56 Bộ Tiếng/SFX + 480 Tiếng nhạc XG
	Giọng Đặc trưng	12 S.Articulation2, 15 S.Articulation+, 340 S.Articulation, 55 OrganFlutes, 82 MegaVoice, 31 Sweet!, 87 Cool!, 149 Live!	9 S.Art, 252 Organ Flutes, 54 MegaVoice, 31 Sweet!, 87 Cool!, 131 Live!
Đa âm	**Số đa âm (Tối đa)**	128	128
Có thể mở rộng	**Giọng mở rộng**	Có (tối đa khoảng 2 GB)	Có (tối đa khoảng 1 GB)
	Chỉnh sửa	Bộ tiếng nhạc	Bộ tiếng nhạc
Tính tương thích		XG; GM; GM2 (chỉ Song Playback)	XG; GM; GM2 (chỉ Song Playback)
Phần		Right1, Right2, Right3, Left	Right1, Right2, Right3, Left
Loại	**Tiếng Vang**	59 Cài đặt trước + 30 Người dùng	59 Cài đặt trước + 30 Người dùng
	Thanh	197 Cài đặt trước + 30 Người dùng	106 Cài đặt trước + 30 Người dùng
	DSP	358 mẫu Cài đặt sẵn (với VCM) + 30 Người dùng	322 Cài đặt trước + 30 Người dùng
	Biến tấu Chèn Vào	1-13: 358 Mẫu Cài đặt sẵn (với VCM) + 30 Người dùng	1-9: 322 mẫu Cài đặt trước + 30 User
	Bộ nén Master	5 Cài đặt trước + 30 Người dùng	5 Cài đặt trước + 30 Người dùng
	EQ Master	5 Cài đặt trước + 30 Người dùng	5 Cài đặt trước + 30 Người dùng
	EQ Part	28 phần	28 phần
	Khác	Hiệu ứng Micr/Guitar:Cổng tiếng ồn, Bộ nén, EQ 3 băng tần, Hiệu ứng thanh nhạc:23	Mic/Guitar effects: Noise Gate, Compressor, 3 Band EQ
	Hợp âm rơi (Arpeggio)	Có	Có
Hòa Âm Giọng	**Số lượng cài đặt sẵn**	Hòa âm: 54, Bộ phát âm tổng hợp: 20	-
	Số cài đặt người dùng	80 *Số này là tổng số Hòa âm và Bộ phát âm tổng hợp	-
Cài đặt sẵn	**Số Tiết Tấu Cài Đặt Sẵn**	275	450
	Tiết tấu đặc trưng	520 Pro Styles, 49 Session Styles, 6 Free Play Styles	410 Pro Styles, 37 Session Styles, 3 Free Play Styles
	Phần ngón	Single Finger, Fingered, Fingered On Bass, Multi Finger, AI Fingered, Full Keyboard, AI Full Keyboard, Smart Chord	Single Finger, Fingered, Fingered On Bass, Multi Finger, AI Fingered, Full Keyboard, AI Full Keyboard, Smart Chord
	Kiểm soát Tiết Tấu	INTRO x 3, MAIN VARIATION x 4, FILL x 4, BREAK, ENDING x 3	INTRO x 3, MAIN VARIATION x 4, FILL x 4, BREAK, ENDING x 3
Tính tương thích		Định dạng tệp kiểu (SFF), Định dạng tệp kiểu GE (SFF GE)	Định dạng tệp kiểu (SFF), Định dạng tệp kiểu GE (SFF GE)
Có thể mở rộng	**Tiết tấu mở rộng**	Có (Bộ nhớ trong)	Có (Bộ nhớ trong)
	Tiết tấu âm mở rộng	Có (Bộ nhớ trong)	-
Các đặc điểm khác	**Chord Looper**	Có	Có
	Khôi phục thiết lập mẫu Điều nhạc	Có	Có
	Style Section Change Timing	Có	Có
	Style Section Time Signature	Có	Có
	Style Dynamics Control	Có (có núm điều chỉnh / bàn đạp)	Có (có núm điều chỉnh / bàn đạp)
	Cài đặt một nút chạm (OTS)	4 cho mỗi Style	4 cho mỗi Style
	Unison & Accent	-	-
Cài đặt sẵn	**Số lượng bài hát cài đặt sẵn**	1 bài hát demo, 2 bài hát cài sẵn	1 bài hát demo, 2 bài hát cài sẵn
Thu âm	**Số lượng bài hát**	Không giới hạn (tùy thuộc vào dung lượng ổ đĩa)	Không giới hạn (tùy thuộc vào dung lượng ổ đĩa)
	Số lượng track	16	16
	Dung Lượng Dữ Liệu	khoảng 3 MB/bài hát	khoảng 3 MB/bài hát
	Chức năng thu âm	Ghi âm nhanh, ghi âm nhiều bản, ghi âm bước	Ghi âm nhanh, ghi âm nhiều bản, ghi âm bước
Định dạng dữ liệu tương thích	**Phát lại**	SMF (Định dạng 0 và 1), XF	SMF (Định dạng 0 và 1), XF
	Thu âm	SMF (Định dạng 0)	SMF (Định dạng 0)
Cài đặt sẵn	**Số cây Đa Điệm**	500 bank x 4 Pad	349 bank x 4 Pad
Âm thanh	**Liên kết**	Có	Có
Giọng nói	**Hòa âm/Echo**	Có (với Arpeggio)	Có (với Arpeggio)
	Bảng điều khiển	Có	Có
	Đơn âm/Đa âm	Có	Có
	Thông tin giọng	Có	Có
Phong cách	**Bộ tạo tiết tấu**	Có	Có
	Thông tin OTS	Có	Có
Bài hát	**Bộ tạo bài hát**	-	-
	Chức năng hiển thị điểm	Có	Có
	Chức năng hiển thị lời bài hát	Có	Có
Đa điệm	**Bộ tạo đa điệm**	Có	Có
Đăng ký	**Số nút**	8	8
	Kiểm soát	Trình tự đăng ký, đông băng	Trình tự đăng ký, đông băng
Danh sách phát	**Số lượng bản ghi**	2.500 (tối đa) Bản ghi cho mỗi tệp Danh sách phát	2.500 (tối đa) Bản ghi cho mỗi tệp Danh sách phát
Tìm kiếm		Ngân hàng đăng ký	Ngân hàng đăng ký
Trình ghi / phát âm thanh	**Thời gian ghi (tối đa)**	80 phút/bài hát	80 phút/bài hát
	Thu âm	WAV (44.1 kHz, 16-bit, stereo), MP3 (44.1 kHz, 128/256/320 kbps, stereo)	WAV (44.1 kHz, 16-bit, stereo), MP3 (44.1 kHz, 128/256/320 kbps, stereo)
	Phát lại	WAV (44.1 kHz, 16-bit, stereo), MP3 (44.1/48.0 kHz, 64–320 kbps and VBR mono/stereo)	WAV (44.1 kHz, 16-bit, stereo), MP3 (44.1/48.0 kHz, 64–320 kbps and VBR mono/stereo)
	Giãn trải thời gian	Có	Có
	Chuyển độ cao	Có	Có
	Xóa âm	Có	Có
Demo/Giúp đỡ	**Diễn tập**	Có	Có
Kiểm soát toàn bộ	**Bộ đếm nhịp**	Có	Có
	Dãy Nhịp Điệu	5 - 500, Tap Tempo	5 - 500, Tap Tempo
	Dịch giọng	-12 – 0 – +12	-12 – 0 – +12
	Tinh chỉnh	414,8 – 440 – 466,8 Hz	414,8 – 440 – 466,8 Hz
	Nút quãng tám	Có	Có
	Loại âm giai	9 loại	9 loại
	Cài đặt quy mô phụ	Có	Có
Tổng hợp	**Truy cập trực tiếp**	Có	Có
	Chức năng hiển thị sóng	Có	Có
	Tùy chỉnh ánh nền	Có	Có
	Cổng ra DC	Có (bằng cách sử dụng bộ chuyển đổi màn hình USB. Bạn có thể kiểm tra danh sách trong "Tất xuống" > "Tất xuống khác").	-
Bluetooth		Có (Tùy thuộc vào quốc gia)	Có
Bài học/Hướng dẫn	**Bài học/Hướng dẫn**	Thực hiện theo đèn, Phím bắt kỳ, Karaoke Key, Tempo của bạn	-
Lưu trữ	**Bộ nhớ trong**	Có (tối đa khoảng 4 GB)	Có (tối đa khoảng 1 GB)
	Đĩa ngoài	Ổ đĩa flash USB	Ổ đĩa flash USB
Kết nối	**Tai nghe**	Giắc cắm điện thoại stereo chuẩn	Giắc cắm điện thoại stereo chuẩn
	Micro	Có (Microphone/Guitar)	Có (Microphone/Guitar)
	MIDI	IN/OUT	IN/OUT
	AUX IN	Giắc cắm Stereo mini	Giắc cắm Stereo mini
	LINE OUT	ĐẦU RA CHÍNH (L/L+R, R), SUB (AUX) ĐẦU RA (2 (L/L+R, R))	ĐẦU RA CHÍNH (L/L+R, R)
	BÀN ĐẠP CHÂN	1 (DUY TRÌ), 2 (PHÁT ÂM), Có thể gán chức năng	1 (DUY TRÌ), 2 (PHÁT ÂM), Có thể gán chức năng
	USB TO DEVICE	Có (× 2)	Có
	USB TO HOST	Có	Có
Ampli		15 W×10 W) x2	15 Wx2
Loa		13 cm x 2 + 2,5 cm (vòm) x 2	13 cm x 2 + 5 cm x 2
Bộ nguồn		PA-300C (hoặc tương đương do Yamaha khuyến nghị)	PA-300C (hoặc tương đương do Yamaha khuyến nghị)
Tiêu thụ điện		24 W	21 W
Chức năng Tự động Tắt Nguồn		Có	Có
Phụ kiện kèm sản phẩm		Hướng dẫn sử dụng, Giá đỡ nhạc, Bộ chuyển đổi AC (có thể không được bao gồm tùy theo khu vực của bạn. Hãy kiểm tra với đại lý Yamaha của bạn.)	Hướng dẫn sử dụng, Giá đỡ nhạc, Bộ chuyển đổi AC (có thể không được bao gồm tùy theo khu vực của bạn. Hãy kiểm tra với đại lý Yamaha của bạn.)